

**BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CUỘC THI TRỰC TUYẾN**  
**“Tìm hiểu pháp luật về đất đai và dịch vụ công trực tuyến**  
**trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024”**

*(Kèm theo Thẻ lệ số: /TL-BTC ngày tháng 9 năm 2024 của Ban Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về đất đai và dịch vụ công trực tuyến năm 2024”)*

**I - LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2024 (25 CÂU)**

**Câu 1. Ngoài các phương pháp do Chính phủ quy định, Luật Đất đai năm 2024 quy định bao nhiêu phương pháp định giá đất?**

- A. 2 phương pháp
- B. 3 phương pháp
- C. 4 phương pháp
- D. 5 phương pháp

**Đáp án: C.** Theo khoản 5 Điều 158 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 2. Đối tượng nào sau đây không phải là “Người sử dụng đất” theo quy định của Luật Đất đai năm 2024?**

- A. Tổ chức tôn giáo
- B. Cá nhân
- C. Hộ gia đình
- D. Cộng đồng dân cư

**Đáp án: C.** Theo Điều 4 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 3. Luật Đất đai năm 2024 bổ sung đối tượng nào được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa?**

- A. Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
- B. Tổ chức kinh tế
- C. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài
- D. Tổ chức nước ngoài

**Đáp án: A.** Theo khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 4. Theo Luật Đất đai năm 2024, nhóm đất chưa sử dụng là nhóm được quy định như thế nào?**

- A. Đất chưa được giao cho người sử dụng
- B. Loại đất chưa xác định mục đích sử dụng
- C. Đất chưa xác định mục đích sử dụng và chưa giao, chưa cho thuê

D. Đất đã được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chưa đưa vào sử dụng

**Đáp án: C.** Theo khoản 4 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 5. Nhận định nào sau đây là đúng?**

A. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành khi có quyết định thu hồi đất.

B. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành trước khi có quyết định thu hồi đất.

C. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được thực hiện cùng thời điểm có quyết định thu hồi đất.

D. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất.

**Đáp án: B.** Theo khoản 6 Điều 91 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 6. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong thời gian nào mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất?**

A. Ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014

B. Ngày 15/10/2004 đến trước ngày 01/7/2014

C. Ngày 01/7/1993 đến trước ngày 01/7/2014

D. Ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2024

**Đáp án: A.** Theo khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 7. Luật Đất đai năm 2024 không còn quy định nội dung nào sau đây?**

A. Bảng giá đất

B. Khung giá đất

C. Giá đất cụ thể

D. Tiền sử dụng đất

**Đáp án: B.** Theo Điều 155, 159, 160 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 8. Theo Luật Đất đai năm 2024 đất chuyên trồng lúa là đất trồng từ bao nhiêu vụ?**

A. 02 vụ trở lên

B. 03 vụ

C. 03 vụ trở lên

D. 04 vụ

**Đáp án: A.** Theo khoản 1 Điều 182 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 9. Luật Đất đai năm 2024 quy định, chủ thể nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai?**

A. UBND cấp tỉnh

B. UBND cấp huyện

C. UBND cấp xã

D. Trọng tài thương mại

**Đáp án: D.** Theo khoản 5 Điều 236 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 10. Theo Luật Đất đai năm 2024, cơ quan nào có thẩm quyền quyết định bảng giá đất?**

A. Chính phủ

B. Quốc hội

C. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Đáp án: C.** Theo khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 11. Luật Đất đai năm 2024 quy định đất chăn nuôi tập trung phải tuân thủ quy định nào?**

A. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

B. Quản lý chất thải và biện pháp khác để không ảnh hưởng đến người sử dụng đất trong khu vực và xung quanh

C. Không gây ô nhiễm môi trường

D. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; quản lý chất thải và biện pháp khác để không ảnh hưởng đến người sử dụng đất trong khu vực và xung quanh

**Đáp án: D.** Theo điểm a khoản 2 Điều 183 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 12. Theo Luật Đất đai năm 2024, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được đính chính trong trường hợp nào?**

A. Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền

B. Người sử dụng đất đăng ký biến động đất đai

C. Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

D. Có sai sót về thông tin của người được cấp giấy chứng nhận; thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất

**Đáp án: D.** Theo khoản 1 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 13. Theo Luật Đất đai năm 2024, chiếm đất là gì?**

A. Việc sử dụng đất mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc sử dụng đất của người sử dụng đất hợp pháp khác mà chưa được người đó cho phép.

B. Việc sử dụng đất do Nhà nước đã quản lý mà chưa được cơ quan nhà nước cho phép hoặc sử dụng đất của người sử dụng đất hợp pháp khác mà chưa được người đó cho phép.

C. Việc sử dụng đất do Nhà nước đã quản lý mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc sử dụng đất của người sử dụng đất hợp pháp khác mà chưa được người đó cho phép.

D. Việc sử dụng đất do Nhà nước đã quản lý mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc sử dụng đất của người khác mà chưa được người đó cho phép.

**Đáp án: C.** Theo khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 14. Theo Luật Đất đai năm 2024, hủy hoại đất là hành vi?**

A. Làm biến dạng địa hình.

B. Làm suy giảm chất lượng đất.

C. Gây ô nhiễm đất mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

D. Tất cả phương án trên.

**Đáp án: D.** Theo khoản 27 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 15. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, việc hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trong thời hạn bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải.

B. Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải.

C. Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải.

D. Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải, trường hợp vụ việc phức tạp thì thời gian có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

**Đáp án: B.** Theo điểm c khoản 2 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 16. Theo Luật Đất đai năm 2024, đất trồng cây hằng năm không được sử dụng trong thời gian bao nhiêu tháng liên tục và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không đưa đất vào sử dụng theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì sẽ bị nhà nước thu hồi?**

A. 12 tháng

B. 16 tháng

C. 18 tháng

D. 24 tháng

**Đáp án: A.** Theo khoản 7 Điều 81 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 17. Theo Luật Đất đai năm 2024 thì trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải gửi văn bản thông báo thu hồi đất chậm nhất là bao nhiêu ngày đối với đất phi nông nghiệp?**

A. 30 ngày

B. 60 ngày

C. 90 ngày

D. 180 ngày

**Đáp án: D.** Theo khoản 1 Điều 85 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 18. Theo Luật đất đai năm 2024, quyết định cưỡng chế phải được thi hành trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày người bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế?**

A. 5 ngày

B. 10 ngày

C. 15 ngày

D. 20 ngày

**Đáp án: B.** Theo khoản 3 Điều 89 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 19. Luật Đất đai năm 2024 quy định hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là bao nhiêu?**

A. Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

B. Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

C. Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất.

D. Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất.

**Đáp án: A.** Theo khoản 1 Điều 176 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 20. Luật Đất đai năm 2024 quy định quyền đối với thửa đất liền kề bao gồm những quyền nào?**

A. Quyền về lối đi, cấp nước, thoát nước.

B. Quyền về lối đi; cấp nước, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc và các nhu cầu cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

C. Quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga.

D. Quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; lắp đường dây tải điện, thông tin liên lạc.

**Đáp án: B.** Theo khoản 1 Điều 29 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 21. Theo Luật Đất đai năm 2024, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường thì được bồi thường bằng gì?**

A. Đất nông nghiệp.

B. Tiền.

C. Nhà ở.

D. Đất nông nghiệp hoặc bằng tiền hoặc bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

**Đáp án: D.** Theo khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 22. Theo Luật Đất đai năm 2024, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì chi phí được bồi thường gồm những chi phí nào?**

- A. Chi phí di chuyển tài sản.
- B. Chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản.
- C. Chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.
- D. Chi phí di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất.

**Đáp án: C.** Theo khoản 1 Điều 104 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 23. Theo Luật Đất đai năm 2024, loại đất nào sau đây là đất có thời hạn sử dụng?**

- A. Đất ở
- B. Đất nông nghiệp do cá nhân sử dụng
- C. Đất quốc phòng, an ninh
- D. Đất tín ngưỡng

**Đáp án: B.** Theo khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai năm 2024 (các Đáp án: A,C,D là đất sử dụng ổn định lâu dài tại Điều 171)

**Câu 24. Luật Đất đai năm 2024 quy định cơ quan nào có thẩm quyền quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn?**

- A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- B. Sở Tài nguyên và môi trường
- C. Ủy ban nhân dân cấp huyện
- D. Ủy ban nhân dân cấp xã

**Đáp án: A.** Theo khoản 2 Điều 195 Luật Đất đai năm 2024

**Câu 25. Theo Luật đất đai năm 2024, Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã mang tính chất như thế nào?**

- A. Khuyến khích các đương sự
- B. Bắt buộc các đương sự phải thực hiện
- C. Mang tính tự nguyện
- D. Không cần thiết khi có tranh chấp xảy ra

**Đáp án: B.** Theo khoản 2 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024: *Trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại Điều 236 của Luật này, các bên tranh chấp phải thực hiện hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp.*

## **II - DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN (25 CÂU)**

**Câu 26: Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đưa ra mấy quan điểm chỉ đạo; nhóm tiện ích và nhóm nhiệm vụ?**

- A. 09 quan điểm; 02 nhóm tiện ích; 03 nhiệm vụ.
- B. 07 quan điểm; 05 nhóm tiện ích; 06 nhiệm vụ.
- C. 05 quan điểm; 03 nhóm tiện ích; 05 nhiệm vụ.
- D. 08 quan điểm; 04 nhóm tiện ích; 07 nhiệm vụ.

**Đáp án: B** (theo mục I, tiểu mục 1 Mục II, Mục III Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

**Câu 27. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là một trong những tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến được nêu tại Mục tiêu cụ thể của Đề án ban hành kèm theo Quyết định này?**

A. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (7 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

B. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (8 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

C. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (9 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.



D. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (10 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

**Đáp án: C** (Theo ý thứ nhất của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

**Câu 28. Tiếp tục hoàn thiện dữ liệu dân cư bảo đảm “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống” là mục tiêu cụ thể được nêu tại văn bản nào sau đây?**

- A. Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.
- B. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- C. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- D. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

**Đáp án: B** (Tại ý thứ ba của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

**Câu 29. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành việc kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin công dân với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm mục đích gì?**

- A. Những thông tin chưa được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.
- B. Những thông tin chưa có trong Cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.
- C. Những thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.
- D. Những thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.

**Đáp án: C** (Theo ý thứ bảy của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê

*duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).*

**Câu 30. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là các thủ tục hành chính thiết yếu?**

- A. Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú; Khai báo tạm vắng; Thông báo lưu trú.
- B. Gia hạn tạm trú.
- C. Xác nhận thông tin về cư trú.
- D. Xác nhận thông tin hộ tịch.

**Đáp án: A** (*Quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).*

**Câu 31. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có bao nhiêu dịch vụ công thiết yếu?**

- A. 15.
- B. 20.
- C. 25.
- D. 30.

**Đáp án: C** (*Căn cứ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).*

**Câu 32. Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 được thực hiện thành công cần huy động sự vào cuộc của những ai?**

- A. Sự vào cuộc của cán bộ, công chức, viên chức.
- B. Sự vào cuộc của lực lượng Công an.
- C. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng bộ ở các cấp, ngành, địa phương, đơn vị và sự tham gia tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.
- D. Sự vào cuộc của tầng lớp nhân dân lao động.

**Đáp án: C** (Căn cứ Mục 1 Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

**Câu 33. Theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ thì các loại giấy tờ nào sau đây có giá trị chứng minh thông tin về nơi cư trú?**

A. Thẻ Căn cước công dân.

B. Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

C. Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Đáp án: D** (Căn cứ Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công).

**Câu 34. Dịch vụ hành chính công là gì?**

A. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

B. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận.

C. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp cho tổ chức.

D. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

**Đáp án: A** (Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng).

**Câu 35: Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thì dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có những mức độ nào dưới đây?**

A. Có 1 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

B. Có 2 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Dịch vụ công trực tuyến một phần.

C. Có 3 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3.

D. Có 4 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

**Đáp án: B** (*Căn cứ Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng*).

**Câu 36. Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, ngày 24/6/2022 của Chính phủ thì “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” của cơ quan nhà nước là gì?**

A. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp một phần thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng.

C. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

D. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

**Đáp án: A** (*Căn cứ Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng*).

**Câu 37. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định đâu là Biểu mẫu điện tử tương tác?**

A. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông tạo lập.

B. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính do tổ chức, cá nhân tự tạo lập.

C. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính (thông thường dưới dạng ứng dụng trên Web) để tổ chức, cá nhân cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.

D. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính (mẫu đơn, mẫu tờ khai) được định dạng và lưu trữ dưới dạng tệp tin điện tử để tải về và điền thông tin.

**Đáp án: C** (Căn cứ Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng).

**Câu 38. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định đâu là Biểu mẫu điện tử không tương tác?**

A. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính (mẫu đơn, mẫu tờ khai) được định dạng và lưu trữ dưới dạng tệp tin điện tử để tải về và điền thông tin.

B. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được người dân tạo lập.

C. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được người dân gửi qua email.

D. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính (thông thường dưới dạng ứng dụng trên Web) để tổ chức, cá nhân cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.

**Đáp án: A.** (Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng).).

**Câu 39. Để thực hiện thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, công dân cần truy cập vào địa chỉ nào dưới đây?**

A. <https://dvc.gov.vn>

B. <https://congdictvucong.gov.vn>

C. <https://dichvucong.gov.vn>

D. <https://chinhphu.vn>

**Đáp án: C**

**Câu 40: Tổng thời gian giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất” đối với nhóm đối tượng từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng là bao nhiêu ngày làm việc?**

A. Không quá 15 ngày làm việc.

B. Không quá 11 ngày làm việc.

C. Không quá 8 ngày làm việc.

D. Không quá 06 ngày làm việc.

**Đáp án: B** (Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 13 Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em

dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất).

**Câu 41. Tổng thời gian giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất” đối với nhóm đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết là bao nhiêu ngày làm việc?**

- A. Không quá 09 ngày làm việc.
- B. Không quá 10 ngày làm việc.
- C. Không quá 12 ngày làm việc.
- D. Không quá 14 ngày làm việc.

**Đáp án: A** (Căn cứ điểm c, Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất).

**Câu 42. Theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an, Giấy xác nhận thông tin cư trú có giá trị sử dụng trong bao lâu?**

- A. 30 ngày kể từ ngày cấp.
- B. 6 tháng kể từ ngày cấp.
- C. 01 năm kể từ ngày cấp; trường hợp thông tin về cư trú của công dân có sự thay đổi, điều chỉnh và được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về cư trú thì xác nhận thông tin về cư trú hết giá trị sử dụng kể từ thời điểm thay đổi, điều chỉnh.
- D. 02 năm kể từ ngày cấp.

**Đáp án: C** (Căn cứ Khoản 9 Điều 1 Thông tư 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú; Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú).

**Câu 43. Công dân có thể trực tiếp yêu cầu xác nhận thông tin cư trú tại cơ quan đăng ký cư trú nào?**

- A. Tại Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú.
- B. Tại Công an cấp xã nơi đăng ký tạm trú.
- C. Tại Công an cấp xã trong cả nước mà không phụ thuộc vào nơi cư trú.
- D. Tại Công an cấp huyện nơi đăng ký thường trú.

**Đáp án: C** (Căn cứ Khoản 9 Điều 1 Thông tư 66/2023/TT-BCA của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú; Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú).

**Câu 44. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị có trách nhiệm gì?**

A. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia để gửi, tra cứu tình hình, kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị.

B. Liên hệ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân cập nhật đầy đủ nội dung có liên quan đến phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong trường hợp các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân chưa rõ ràng hoặc thiếu nội dung cần thiết.

C. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận, phân loại xử lý, cập nhật, đăng tải kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

D. Tất cả các Đáp án trên.

**Đáp án: D** (Căn cứ Điều 48 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia).

**Câu 45. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” được hiểu như thế nào?**

A. Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính dạng văn bản giấy để chứng thực bản sao bằng hình thức điện tử là đúng với bản chính.

B. Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính dạng văn bản giấy để chứng thực bản sao điện tử.

C. Là việc chứng thực được thực hiện để xác minh bản sao điện tử đúng như văn bản chính.

D. Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao giống với bản chính.

**Đáp án: A.** (Căn cứ Khoản 9 Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).

**Câu 46. Theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mức thu các khoản lệ phí hộ tịch khi thực hiện thủ tục hành chính qua Dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) trên**

**địa bàn tỉnh Bắc Kạn được thực hiện như thế nào?**

- A. Mức thu lệ phí bằng 60% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp;
- B. Mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp;
- C. Mức thu lệ phí bằng 40% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp;
- D. Mức thu lệ phí bằng 30% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp.

**Đáp án: A** (Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn).

**Câu 47. Theo Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2024, thì chỉ tiêu về tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được chứng thực điện tử trên tổng số hồ sơ phát sinh của thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính tại Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được giao là bao nhiêu?**

- A. 20%;
- B. 30%;
- C. 40%;
- D. 45%

**Đáp án: B** (Theo Phụ lục I, Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024).

**Câu 48. Từ 01/7/2024, tài khoản nào sau đây là tài khoản duy nhất mà cá nhân có thể dùng để đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh Bắc Kạn?**

- A. Tài khoản Định danh điện tử VNeID.
- B. Tài khoản Zalo.
- C. Tài khoản Facebook.
- D. Tài khoản Gmail.

**Đáp án: A** (Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Văn bản số 797/STTTT-CNTT-BCVT ngày 14/6/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn về việc chuyển



*đôi, sử dụng tài khoản VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính).*

**Câu 49.** Theo Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2024, thì chỉ tiêu về tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được giao là bao nhiêu?

- A. 40%;
- B. 50%;
- C. 60%;
- D. 70%

**Đáp án: B** (*Theo Phụ lục I, Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024*).

**Câu 50.** Theo Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2024, thì chỉ tiêu tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến được giao là bao nhiêu?

- A. 70%.
- B. 80%.
- C. 90%.
- D. 100%.

**Đáp án: C** (*Theo Phụ lục I, Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024*).